

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN**

Bản án số: 09/2020/HSST
Ngày: 24-3-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kim Mạnh

2. Ông Hà Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Văn Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Việt - Kiểm sát viên

Ngày 24/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Vi Văn L, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1985 tại huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Nơi thường trú: Bản H1 (Nay là bản L), xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: Mù chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Đại Ng và bà Hoàng Thị H (Đều đã chết); Có vợ là: Lương Thị H và 02 con; Tiền án: Năm 2013, bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt vào ngày 14/02/2016; Tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2019 đến nay; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thái Quỳnh. Trợ giúp viên pháp lý. Chi nhánh số 02 - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị hại: Bà Lại Thị M. Sinh năm 1957. Trú tại: Bản L, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lương Văn S. Sinh năm: 1972. Trú tại: Bản Th, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Chị Lô Thị Gi. Sinh năm:1983. Trú tại: Bản Th, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 19/02/2016, bà Lại Thị M đã nhờ Vi Văn L mang một số vật dụng cá nhân cho chồng bà M (Ông Nguyễn Đình Sang) đang nằm điều trị tại bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Châu. Bà M đã giao cho L 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, BKS 37X5-8707 cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H (anh H là con trai của bà M, đã chết). Sau khi đưa đồ và ngủ với ông Sang 01 đêm tại bệnh viện thì sáng hôm sau L điều khiển xe lên địa bàn huyện Quế Phong chơi mà không đưa xe về trả cho bà M. Khoảng 02 ngày sau vì hết tiền nên L đã đem cầm cố chiếc xe này tại tiệm cầm đồ Hà Thu thuộc địa bàn khối 6, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong để lấy số tiền 1.000.000^d nhằm mục đích mua ma túy và tiêu xài cá nhân. Sau đó L đã đến gặp và nhờ anh Trương Hữu D tại khối 3, thị trấn Kim Sơn chuộc lại chiếc xe máy với số tiền 1.200.000^d. Sau khi chuộc được xe thì L giao xe và giấy tờ cho anh D và hẹn vài ngày sau sẽ lên chuộc xe với số tiền 1.500.000^d rồi L bắt xe khách về Quỳnh Châu. Sau đó L đã gặp anh Lương Văn S và nói với anh S là L có chiếc xe máy đang cầm cố tại huyện Quế Phong gần quá hạn, nếu anh S có nhu cầu thì lên lấy xe đi, khi nào có tiền L sẽ chuộc lại từ anh S sau. Anh S đồng ý rồi cùng với vợ là chị Lô Thị Gi đi cùng Vi Văn L lên huyện Quế Phong để chuộc xe. Tại quán của anh Trương Văn D thì chị Gi đã đưa cho L số tiền 1.500.000^d để L đưa cho anh D, L đã giao chiếc xe máy và giấy đăng ký xe cho anh S - chị Gi. Sau đó, bà Lại Thị M đã tìm gặp L để đòi lại xe nhưng do không có tiền nên L không thể chuộc xe về trả. Vào tháng 7/2016, anh S điều khiển chiếc xe máy nói trên có hành vi vi phạm giao thông nên bị Công an huyện Quỳnh Châu xử phạt hành chính và tạm giữ xe máy. Bà Lại Thị M đã làm đơn trình báo lên Công an xã C, huyện Quỳnh Châu. Ngày 30/8/2016, Công an huyện Quỳnh Châu đã triệu tập và tại buổi làm việc Vi Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, nhưng sau đó thì L bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 15/12/2019, Vi Văn L đã bị Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An bắt giữ theo Quyết định truy nã của Công an huyện Quỳnh Châu.

Bà Lại Thị M trình bày: Vào ngày 19/02/2016, bà M đã đưa cho Vi Văn L chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, BKS 37X5-8707 để L sử dụng mang đồ xuống Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Châu cho chồng của bà M. Đây là chiếc xe máy của anh Nguyễn Văn H - là con trai bà M (Đã chết) Sau đó thì Vi Văn L đã cầm cố xe nhiều nơi, không có khả năng chuộc lại xe để trả cho bà M. Do vậy, bà M đã làm đơn trình báo cơ quan Công an. Ngày 15/02/2017, cơ quan điều tra Công an huyện

Quỳ Châu đã bàn giao cho bà M chiếc xe máy nói trên. Hiện nay, bà M không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ về mặt hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, anh Lương Văn S, chị Lô Thị Gi trình bày: Vào một ngày trong tháng 3/2016, Vi Văn L có nói với anh S về việc cầm cố một chiếc xe máy đã đến hạn thanh toán và nếu có nhu cầu sử dụng thì anh Sơn đưa 1.500.000^d để L chuộc xe. L sẽ giao cho anh S sử dụng và khi nào có tiền thì L sẽ chuộc lại từ anh S. Anh S và chị Gi đã đưa cho L số tiền 1.500.000^d để chuộc xe và nhận chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, BKS 37X5-8707 cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn H để sử dụng. Quá trình sử dụng thì vào tháng 7/2016, do vi phạm pháp luật giao thông nên anh S đã bị Công an huyện Quỳ Châu tạm giữ chiếc xe. Sau đó anh đã bàn giao chiếc xe này cho Công an huyện Quỳ Châu vào ngày 01/12/2016. Quá trình giải quyết vụ án, anh S - chị Gi chưa có ý kiến về vấn đề yêu cầu Vi Văn L bồi thường số tiền 1.500.000^d. Tại phiên tòa hôm nay, chị Gi không yêu cầu Vi Văn L phải trả lại số tiền 1.500.000^d. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh S đang đi cải tạo chấp hành án phạt tù.

Tại bản Kết luận định giá số 04/KL-HĐĐGTS ngày 08/02/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND huyện Quỳ Châu kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, BKS 37X5-8707 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 2.000.000^d.

Cáo trạng số 08/CT-VKS-HS ngày 10/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu đã quyết định truy tố Vi Văn L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS 1999; khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1 - khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000^d của bị cáo và buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với tội danh như viện dẫn của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị không tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000^d của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung truy tố của Cáo trạng và không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa hôm nay, anh Lương Văn S vắng mặt. Qua tài liệu xác minh thì hiện nay anh S đang đi cải tạo chấp hành án phạt tù. Xét thấy, việc vắng mặt anh Lương Văn S chỉ ảnh hưởng đến việc bồi thường. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 292 BLTTHS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn S.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Vào ngày 19/02/2016, bị cáo đã được bà Lại Thị M giao chiếc xe máy nhãn hiệu ESPERO, BKS 37X5-8707 để sử dụng mang đồ đạc xuống cho chồng bà M đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Châu. Sau đó, L đã dùng chiếc xe máy cầm cố nhiều nơi lấy tiền tiêu xài và không có khả năng trả lại tài sản.

Thấy rằng lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Do tin tưởng nên bà M đã giao chiếc xe máy của gia đình cho bị cáo và bị cáo đã có hành vi sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng chi trả. Như vậy, bị cáo Vi Văn L đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS 1999 đúng như nội dung truy tố của Cáo trạng.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm. Vì bản thân lười lao động, không có nghề nghiệp và thu nhập nên bị cáo đã có hành vi lợi dụng

tín nhiệm sử dụng trái phép tài sản của người khác vào mục đích bất hợp pháp. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất an ninh trật tự trên địa bàn và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm và lên cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng nhằm răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ biết ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 - khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[2.3] Hình phạt bổ sung: Bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn và không có tài sản. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm Dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, chị Lô Thị Gi không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.500.000^d và đại diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền này từ bị cáo. Xét thấy, số tiền 1.500.000^d là tài sản chung của vợ chồng anh Lương Văn S và chị Lô Thị Gi. Vì vậy, bản thân chị Gi không có quyền quyết định đối với toàn bộ số tiền này. Do đó, cần tách phần bồi thường đối với số tiền này để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu. Nên không chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền nói trên.

[3] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 140 BLHS 1999; điểm s khoản 1 - khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS 2015. Xử phạt Vi Văn L 09 (Chín) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2019.

- Căn cứ vào điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc Vi Văn L phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

- Bị cáo, bà Lại Thị M và chị Lô Thị Gi được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lương Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND; Công an; THADS H.Quỳ Châu;
- VKSND; Trại tạm giam CA T.Nghệ An;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; Bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

Trần Hoài Nam